



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

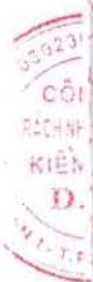
**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.290.800.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm có Chi nhánh Công ty Cổ phần Chíp Sáng, đặt tại 253 Điện Biên Phủ, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lương Văn Lý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Đức	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Bà Hồ Mỹ Hòa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Bùi Thị Kim Nga	Trưởng ban (miễn nhiệm tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên (bỏ nhiệm tháng 6 năm 2013)
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên

Ông Nguyễn Quang Trung là Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

#### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

#### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG TRUNG**



Số: 14.308/BCKT-DTL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chíp Sáng (dưới đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0172-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2124-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.639.747.542</b>	<b>30.785.628.690</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>3.038.590.599</b>	<b>3.843.362.773</b>
1. Tiền	111		2.413.590.599	1.043.362.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		625.000.000	2.800.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>11.850.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.610.000.000	15.260.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5.3	<b>8.700.362.071</b>	<b>6.347.025.701</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.188.312.109	8.313.132.788
2. Trả trước cho người bán	132		1.700.472.030	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		988.606.183	1.210.921.164
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>8.682.246.860</b>	<b>6.774.324.263</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.682.246.860	6.774.324.263
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>368.548.012</b>	<b>320.915.953</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.974.045	28.625.151
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		215.036.873	221.819.302
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		77.307.094	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		66.230.000	70.471.500

(Phần tiếp theo trang 06)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>48.429.408.971</b>	<b>49.434.495.602</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			<b>90.037.262</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5		82.092.812
+ Nguyên giá	222		549.929.788	753.570.324
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(549.929.788)	(671.477.512)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			7.944.450
+ Nguyên giá	228		57.600.000	57.600.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.600.000)	(49.655.550)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.6	<b>45.928.654.051</b>	<b>47.796.340.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.796.340.000	8.796.340.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		52.752.000.000	49.752.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15.619.685.949)	(10.752.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.500.754.920</b>	<b>1.548.118.340</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		93.541.967	124.578.980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	1.197.912.953	214.239.360
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.7	1.209.300.000	1.209.300.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.069.156.513</b>	<b>80.220.124.292</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.532.739.369</b>	<b>7.562.565.686</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.320.852.009</b>	<b>3.743.291.576</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	5.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312	5.9	1.889.891.390	2.061.807.668
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	3.294.929.938	354.507.729
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	44.838.064	570.857.356
5. Phải trả người lao động	315			317.237.464
6. Chi phí phải trả	316	5.11	517.270.249	259.261.548
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	539.676.328	179.619.811
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		34.246.040	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.211.887.360</b>	<b>3.819.274.110</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	2.442.000.000	3.058.500.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.14	769.887.360	760.774.110
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>66.536.417.144</b>	<b>72.657.558.606</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.15.1	<b>66.536.417.144</b>	<b>72.657.558.606</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.290.800.000	80.290.800.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		374.000.000	374.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		288.561.242	35.953.438
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		138.288.381	11.984.480
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		11.984.480	11.984.480
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15.4	(3.426.606.959)	3.073.446.208
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.069.156.513</b>	<b>80.220.124.292</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		117.184.726	117.184.726
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		586,55	8.245,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM THỊ PHƯƠNG THU**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN QUANG TRUNG**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		31.282.998.876	26.465.550.661
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		931.797.294	52.552.124
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	30.351.201.582	26.412.998.537
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	25.110.329.821	21.031.981.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.240.871.761	5.381.016.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.222.305.347	4.597.580.492
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.261.098.498	32.254.044
trong đó, chi phí lãi vay	23		108.775.008	12.817.123
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	1.920.098.858	207.292.449
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.040.750.270	4.957.015.423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.758.770.518)	4.782.035.273
11. Thu nhập khác	31		778.982.723	373.490.819
12. Chi phí khác	32			169.084.810
13. Lợi nhuận khác	40		778.982.723	204.406.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.979.787.795)	4.986.441.282
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			1.334.727.455
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(983.673.593)	13.782.614
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.996.114.202)	3.637.931.213

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

NGUYỄN QUANG TRUNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(4.979.787.795)</b>	<b>4.986.441.282</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		70.750.164	141.702.592
Các khoản dự phòng	03		4.867.685.949	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.222.305.347)	(3.449.386.143)
Chi phí lãi vay	06		108.775.008	12.817.123
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(1.154.882.021)</b>	<b>1.691.574.854</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.342.312.441)	(5.576.287.071)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.907.922.597)	(5.753.419.780)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.578.764.898	1.796.981.705
Tăng giảm chi phí trả trước	12		79.434.216	242.032.458
Tiền lãi vay đã trả	13		(108.775.008)	(12.817.123)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(77.307.094)	(645.290.239)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			55.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(50.521.559)	(18.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.983.521.606)</b>	<b>(8.219.725.196)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.459.000)	(26.670.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			160.562.654
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(13.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(14.854.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.650.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.222.305.347	3.457.908.299
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(138.153.653)</b>	<b>(24.762.999.956)</b>

<sup>1</sup> (Phần tiếp theo trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(11.040.710.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.000.000.000	8.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(8.500.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.683.096.915)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.316.903.085</b>	<b>(11.040.710.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(804.772.174)</b>	<b>(44.023.435.152)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.843.362.773</b>	<b>47.866.797.925</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.038.590.599</b>	<b>3.843.362.773</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

NGUYỄN QUANG TRUNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẬP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chập Sáng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004789 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 09 năm 2012.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 là 80.290.800.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 253 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 21 (31/12/2012: 19).

##### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng
- Mua bán thiết bị điện tử
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

##### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

##### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

##### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo giá đích danh (đối với mặt hàng điện thoại di động) và phương pháp bình quân gia quyền (đối với mặt hàng khác).

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các tài sản phân loại sang công cụ, dụng cụ là các tài sản cố định trước đây theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### Năm 2013

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

#### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### 4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### 4.8 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần ảnh hưởng đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 4.9 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### 4.10 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.11 Thuế

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%

- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.12 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	38.024.803	69.775.654
Tiền gửi ngân hàng	2.375.565.796	973.587.119
Các khoản tương đương tiền	625.000.000	2.800.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.038.590.599</u></b>	<b><u>3.843.362.773</u></b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng, được cầm cố cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – xem thêm mục 5.8.

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	11.850.000.000	13.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.760.000.000	1.760.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b><u>13.610.000.000</u></b>	<b><u>15.260.000.000</u></b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.760.000.000)	(1.760.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>11.850.000.000</u></b>	<b><u>13.500.000.000</u></b>

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản cho Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam vay.

### 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	9.188.312.109	8.313.132.788
Trả trước cho người bán	1.700.472.030	-
Các khoản phải thu khác	988.606.183	1.210.921.164
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b><u>11.877.390.322</u></b>	<b><u>9.524.053.952</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.177.028.251)	(3.177.028.251)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>8.700.362.071</u></b>	<b><u>6.347.025.701</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 2.596.497.813 đồng – Xem thêm mục 7.

Giá trị khoản trả trước cho các bên liên quan là 35.000.000 đồng – xem thêm mục 7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về lãi tiền gửi và cho vay	928.113.888	958.083.333
Các khoản phải thu khác	60.492.295	252.837.831
<b>Cộng</b>	<b><u>988.606.183</u></b>	<b><u>1.210.921.164</u></b>

**5.4. Hàng tồn kho**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.066.224.739	1.386.944.851
Công cụ, dụng cụ	934.091	55.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.813.954.545	-
Hàng hóa	4.681.754.888	5.387.324.412
Hàng ký gửi	119.378.597	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>8.682.246.860</u></b>	<b><u>6.774.324.263</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>8.682.246.860</u></b>	<b><u>6.774.324.263</u></b>

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	VND			
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	267.019.247	423.828.804	62.722.273	753.570.324
Mua trong năm	10.459.000	-	-	10.459.000
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(151.377.263)	-	(62.722.273)	(214.099.536)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>126.100.984</u></b>	<b><u>423.828.804</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>549.929.788</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	238.130.069	406.169.263	27.178.180	671.477.512
Khấu hao trong năm	24.238.743	17.659.541	20.907.426	62.805.710
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(136.267.828)	-	(48.085.606)	(184.353.434)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>126.100.984</u></b>	<b><u>423.828.804</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>549.929.788</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	28.889.178	17.659.541	35.544.093	82.092.812
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 549.929.788 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5.6. Đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	8.796.340.000	8.796.340.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	52.752.000.000	49.752.000.000
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>61.548.340.000</b>	<b>58.548.340.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(15.619.685.949)	(10.752.000.000)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>45.928.654.051</u></b>	<b><u>47.796.340.000</u></b>

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov với tỷ lệ góp vốn là 77,77% vốn thực góp.

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên kết được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	10.752.000.000	10.752.000.000
Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	42.000.000.000	39.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>52.752.000.000</u></b>	<b><u>49.752.000.000</u></b>

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng Công ty cổ phần bán dẫn Việt Nam	(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
Dự phòng Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	(4.867.685.949)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(15.619.685.949)</u></b>	<b><u>(10.752.000.000)</u></b>

**5.7. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ thuê văn phòng – Xem thêm mục 7

**5.8. Vay và nợ ngắn hạn**

Là khoản vay VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 262/HĐTĐG của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Sương.

**5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	1.889.891.390	2.061.807.668
Người mua trả tiền trước	3.294.929.938	354.507.729
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.184.821.328</u></b>	<b><u>2.416.315.397</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Là thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5.11. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước lương tháng 13, hoa hồng bán hàng	183.817.361	-
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng Co-op Mart	148.375.871	-
Khác	185.077.017	259.261.548
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>517.270.249</u></b>	<b><u>259.261.548</u></b>

**5.12. Phải trả khác ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	54.943.726	52.514.694
Bảo hiểm thất nghiệp	976.717	948.117
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	92.347.100	22.800.000
Phải trả cổ tức	391.408.785	-
Phải trả khác	-	68.248.678
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>539.676.328</u></b>	<b><u>144.511.489</u></b>

**5.13. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn tiền thuê văn phòng, chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ từ Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon – Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.300.000.000	2.300.000.000
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov – xem thêm mục 7	80.000.000	80.000.000
Khác	62.000.000	678.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.442.000.000</u></b>	<b><u>3.058.500.000</u></b>

**5.14. Doanh thu chưa thực hiện**

Là khoản tiền cho thuê văn phòng tháng 1/2014 và 50% tiền cho thuê tháng 2/2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.15. Vốn chủ sở hữu**

**5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	80.290.800.000	374.000.000		35.953.438	11.984.480	11.984.480	(564.485.005)	80.160.237.393
Lợi nhuận trong năm trước							3.637.931.213	3.637.931.213
Mua lại cổ phiếu quỹ			(11.140.610.000)					(11.140.610.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>	<b>(11.140.610.000)</b>	<b>35.953.438</b>	<b>11.984.480</b>	<b>11.984.480</b>	<b>3.073.446.208</b>	<b>72.657.558.606</b>
Lợi nhuận trong năm							(3.996.114.202)	(3.996.114.202)
Chia cổ tức							(2.074.505.700)	(2.074.505.700)
Trích lập quỹ				252.607.804	126.303.901		(429.433.265)	(50.521.560)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>80.290.800.000</b>	<b>374.000.000</b>	<b>(11.140.610.000)</b>	<b>288.561.242</b>	<b>138.288.381</b>	<b>11.984.480</b>	<b>(3.426.606.959)</b>	<b>66.536.417.144</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	21.965.000.000	21.965.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	58.325.800.000	58.325.800.000
Cổ phiếu quỹ	(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>69.150.190.000</u></b>	<b><u>69.150.190.000</u></b>

**5.15.3. Cổ phần**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	1.114.061	1.114.061
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**5.15.4. Phân phối lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.073.446.208	(564.485.005)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(3.996.114.202)	3.637.931.213
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(252.607.804)	-
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(126.303.901)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(50.521.560)	-
Chia cổ tức	(2.074.505.700)	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>(3.426.606.959)</u></b>	<b><u>3.073.446.208</u></b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	22.387.009.674	14.037.634.069
Doanh thu cho thuê văn phòng	7.928.109.692	10.555.918.569
Doanh thu khác	967.879.510	1.871.998.023
Hàng bán trả lại	(931.797.294)	(52.552.124)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>30.351.201.582</u></b>	<b><u>26.412.998.537</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.373.031.915	9.877.381.932
Giá vốn cho thuê văn phòng	7.010.670.399	7.326.307.852
Giá vốn khác	726.627.507	3.828.292.056
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.110.329.821</u></b>	<b><u>21.031.981.840</u></b>

**6.3. Doanh thu tài chính**

Là khoản lãi tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	108.775.008	12.817.123
Dự phòng đầu tư tài chính	4.867.685.949	-
Chênh lệch tỷ giá	63.250.415	-
Chi phí chiết khấu thanh toán	221.387.126	19.436.921
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.261.098.498</u></b>	<b><u>32.254.044</u></b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	47.309.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	650.000	17.458.486
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.888.482	26.287.577
Chi phí bảo hành	65.495.455	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.731.808.932	163.546.386
Chi phí bằng tiền khác	48.946.989	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.920.098.858</u></b>	<b><u>207.292.449</u></b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.273.463.856	3.351.144.234
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	63.993.613	173.789.199
Chi phí khấu hao	78.869.244	115.415.015
Thuế, phí và lệ phí	31.643.851	19.937.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	839.249.818	556.736.083
Chi phí bằng tiền khác	753.529.888	739.993.338
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.040.750.270</u></b>	<b><u>4.957.015.423</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(4.979.787.795)	4.986.441.282
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.161.573.724	1.264.556.434
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(856.957.443)	(912.087.897)
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	(4.675.171.514)	5.338.909.819
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	-	1.334.727.455
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>-</b>	<b>1.334.727.455</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN như sau:

- Doanh thu cho thuê văn phòng đã xuất hóa đơn
- Thu nhập của Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành
- Chi phí không có hóa đơn chứng từ theo quy định của Luật thuế TNDN

**6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Chuyển lỗ	Doanh thu chưa thực hiện	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	228.021.974	228.021.974
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh năm trước	-	(13.782.614)	(13.782.614)
Số dư đầu năm nay	-	<b>214.239.360</b>	<b>214.239.360</b>
Hạch toán là thu nhập/chi phí trong kết quả kinh doanh năm nay	1.028.537.733	(44.864.140)	983.673.593
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>1.028.537.733</b>	<b>169.375.220</b>	<b>1.197.912.953</b>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	1.197.912.953	214.239.360
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.197.912.953</b>	<b>214.239.360</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.000.085	173.789.199
Chi phí nhân công	3.273.463.856	3.351.144.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.757.726	141.702.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.153.782.314	18.034.272.659
Chi phí khác bằng tiền	2.319.259.004	4.495.381.028
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>31.993.262.985</u></b>	<b><u>26.196.289.712</u></b>

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
2. Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Bán Dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
4. Liên hiệp hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.3	2.596.497.813	3.209.498.974
Ký quỹ - Xem thêm mục 5.7	1.209.300.000	1.209.300.000
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.3	35.000.000	-
Nhận ký quỹ - Xem thêm mục 5.15	(80.000.000)	(80.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.762.262.276</u></b>	<b><u>6.098.798.974</u></b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng	-	5.810.043.988
Bán hàng	10.826.435.860	3.168.354.038
Cung cấp dịch vụ và giao dịch khác	356.179.153	323.168.250

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc	819.751.200	834.975.600

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HỢP ĐỘNG**

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	5.913.510.906	5.810.043.987

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau: (Hợp đồng thuê đến tháng 5/2014)

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.132.302.879	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.057.175.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.132.302.879</u></b>	<b><u>8.057.175.000</u></b>

**9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.038.590.599	3.843.362.773
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.999.890.041	6.094.187.870
Đầu tư ngắn hạn và dài hạn	57.778.654.051	61.296.340.000
Tài sản tài chính khác	1.243.000.000	1.243.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>69.060.134.691</u></b>	<b><u>72.476.890.643</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.425.215.207	5.246.464.668
Các khoản vay	5.000.000.000	-
Chi phí phải trả	517.270.249	259.261.548
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>9.942.485.456</u></b>	<b><u>5.505.726.216</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ SÁNG

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	-	66.590,40	586,55	8.245,27

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tín thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tín thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

Địa chỉ: Lô T2-4 Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.983.215.207	2.442.000.000	4.425.215.207
Các khoản vay	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Chi phí phải trả	517.270.249	-	517.270.249
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	2.187.964.668	3.058.500.000	5.246.464.668
Các khoản vay	-	-	-
Chi phí phải trả	259.261.548	-	259.261.548

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.999.890.041	-	6.999.890.041
Đầu tư tài chính	11.850.000.000	45.928.654.051	57.778.654.051
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1.209.300.000	1.243.000.000
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.094.187.870	-	6.094.187.870
Đầu tư tài chính	13.500.000.000	47.796.340.000	61.296.340.000
Tài sản tài chính khác	33.700.000	1,209.300.000	1.243.000.000

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ

PHẠM THỊ PHƯƠNG THU

NGUYỄN QUANG TRUNG